UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

Số: 1552/QĐ - SYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Phân bổ số lượng thẻ bảo hiểm y tế cho các cơ sở y tế trong và ngoài công lập Năm 2018

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009; Nghị định số 87/2011/NĐ - CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh; Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Y tế Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế Quy định đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Biên bản họp thống nhất giữa Sở Y tế và Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai trong việc phân bổ số lượng thẻ bảo hiểm y tế cho các cơ sở y tế trong và ngoài công lập năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y-Sở Y tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ thẻ bảo hiểm y tế cho 231 cơ sở y tế trong và ngoài công lập đã đăng ký và được Bảo hiểm xã hội Việt Nam cấp mã thẻ có danh sách kèm theo (gồm 231 cơ sở và tổng số 2.456.576 thẻ);

Điều 2. Các cơ sở y tế trong và ngoài công lập căn cứ danh sách đã được phân bổ thẻ bảo hiểm y tế để ký hợp đồng với Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành;

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y; Trưởng phòng Quản lý hành nghề, Các cơ sở y tế trong và ngoài công lập chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này; Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai phối hợp tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- BHXH Đồng Nai (phối hợp);
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG NAI

Huỳnh Minh Hoàn

Số 2 - Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (02513) 942641, Fax: (0613) 847269, Email: syt@dongnai.gov.vn, Website: syt.dongnai.gov.vn

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐỒNG NAI

DANH SÁCH PHÂN BỔ SỐ LƯỢNG THẺ BHYT NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2017 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Nai)

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số thẻ phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Biên Hòa		**1,084,541**	
1	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Đồng Nai	75001	132,000	
2	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất	75002	102,000	
3	Bệnh Viện Phổi Đồng Nai	75005	11,873	
4	Bệnh Viện Quân Y 7B	75021	36,175	
5	Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai	75022	243,954	
6	Bệnh Viện Y Dược Cổ Truyền	75232	14,659	
7	Bệnh Viện Tâm Thần Trung Ương 2	75253	6,122	
8	Công ty TNHH MTV BVĐH Y Dược Shing Mark	75294	45,000	
9	Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Tâm Hồng Phước	75258	14,284	
10	Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Đồng Nai	75263	31,166	
11	Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Chấn Thương Chỉnh Hình Sài Gòn Đồng Nai	75266	38,958	
12	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Liên Chi	75184	10,389	
13	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Hoàng Anh Đức	75187	19,293	
14	Phòng Khám Trường Cao Đẳng Nghề Số 8	75236	13,357	
15	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Y Đức	75248	16,325	
16	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Long Bình	75250	20,000	
17	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Tam Đức	75251	16,325	
18	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa ái Nghĩa Đồng Khởi	75252	20,000	
19	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Dân Y	75254	13,357	
20	Công Ty TNHH Nguyễn An Phúc	75255	20,777	
21	PKĐK- TTYT MTLĐ Công Thương	75256	19,293	
22	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Sinh Hậu	75257	10,389	
23	Cty TNHH Xây dựng - Y tế Tâm An 1	75261	14,841	
24	Công ty Cổ phần Thương Mại Quốc Tế Sỹ Mỹ 1	75264	13,357	
25	Cty Cổ phần Phòng Khám Đa Khoa Y Sài Gòn	75267	7,421	
26	Công ty TNHH Phòng khám đa khoa An Bình Na Sa	75268	16,325	
27	Phòng khám đa khoa Trường Cao đẳng y tế Đồng Nai	75273	13,357	

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số thẻ phân bổ	Ghi chú
28	Công ty TNHH BVĐK Nhi Sài Gòn chi nhánh tại Đồng Nai - Phòng khám đa khoa	75274	5,936	
29	Phòng Khám Đa Khoa Tâm An 2 - Chi Nhánh Cty TNHH Xây Dựng - Y Tế Tâm An	75275	20,000	
30	Công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Ái Nghĩa Biên Hòa	75279	19,293	
31	Công Ty TNHH PKĐK Quốc Tế Long Bình - CN C11	75286	10,000	
32	Công ty TNHH BV Sài Gòn Tam Phước PKĐK	75287	10,000	
33	Công ty TNHH PKĐK Tân Long	75288	10,000	
34	Bệnh xá Trường Sỹ Quan Lục Quân 2	97109	18,551	
35	Trung tâm y tế TP Biên Hòa	75003	52,327	
36	Trạm Y tế Xã Hiệp Hòa	75007	742	
37	Trạm Y Tế Phường Thống Nhất	75049	742	
38	Trạm Y Tế Phường Tân Vạn	75051	742	
39	Trạm Y Tế Phường Long Bình	75052	742	
40	Trạm Y Tế Phường Tân Hiệp	75053	742	
41	Trạm Y Tế Phường Tân Biên	75054	742	
42	Trạm Y Tế Phường Tân Phong	75055	742	
43	Trạm Y Tế Phường An Bình	75057	742	
44	Trạm Y Tế Xã Hóa An	75059	742	
45	Trạm Y Tế Phường Thanh Bình	75060	742	
46	Trạm Y Tế Phường Trung Dũng	75061	742	
47	Trạm Y Tế Phường Bửu Long	75063	742	
48	Trạm Y Tế Phường Long Bình Tân	75064	742	
49	Trạm Y Tế Phường Trảng Dài	75065	742	
50	Trạm Y Tế Phường Tam Hiệp	75068	742	
51	Trạm Y Tế Phường Tam Hoà	75069	742	
52	Trạm Y Tế Phường Hố Nai	75070	742	
53	Trạm Y Tế Xã Tân Hạnh	75071	742	
54	Trạm Y Tế Xã An Hoà	75074	742	
55	Trạm Y Tế Xã Phước Tân	75075	742	
56	Trạm Y Tế Xã Tam Phước	75076	1,855	
57	Trạm Y Tế Phường Bửu Hòa	75238	742	
	Long Thành		**223,485**	
58	Bệnh Viện Đa Khoa KV Long Thành	75008	98,103	
59	Chi nhánh 2- Công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa ái Nghĩa Đồng Khởi - PKĐK Ái Nghĩa Long Thành	75260	44,117	
60	Công ty TNHH PKĐK Thành Tâm	75283	18,576	

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số thẻ phân bổ	Ghi chú
61	Công ty CP phòng khám đa khoa Duy Khang	75278	20,898	
62	Phòng Khám Đa Khoa KV Long Phước	75028	5,805	
63	Trạm Y Tế Xã An Phước	75077	2,902	
64	Trạm Y Tế Xã Long Đức	75078	1,161	
65	Trạm Y Tế Xã Lộc An	75079	1,161	
66	Trạm Y Tế Xã Bình Sơn	75080	2,902	
67	Trạm Y Tế Xã Bình An	75081	1,161	
68	Trạm Y Tế Xã Suối Trầu	75082	2,902	
69	Trạm Y Tế Xã Cẩm Đường	75083	2,902	
70	Trạm Y Tế Xã Long An	75084	2,902	
71	Trạm Y Tế Xã Phước Thái	75085	2,902	
72	Trạm Y Tế Xã Tân Hiệp	75086	2,902	
73	Trạm Y Tế Xã Phước Bình	75087	2,322	
74	Trạm Y Tế Xã Bàu Cạn	75088	2,902	
75	Trạm Y Tế Xã Tam An	75089	2,902	
76	Trạm Y Tế Thị Trấn Long Thành	75090	2,902	
77	Trạm Y Tế Xã Long Phước	75138	1,161	
	Long Khánh		**157,016**	
78	Bệnh Viện Đa Khoa KV Long Khánh	75009	68,109	
79	Công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa ái Nghĩa Đồng Khởi - Ái Nghĩa Long Khánh	75281	28,220	
80	Công Ty TNHH PKĐK Sài Gòn- Long Khánh	75282	5,941	
81	Trạm Y tế Phường Xuân hòa	75091	2,122	
82	Trạm Y Tế Xã Hàng Gòn	75099	2,122	
83	Trạm Y Tế Xã Xuân Tân	75100	2,122	
84	Trạm Y Tế Xã Xuân Lập	75101	849	
85	Trạm Y Tế Xã Bàu Sen	75103	849	
86	Trạm Y Tế Xã Suối Tre	75104	849	
87	Trạm Y Tế Xã Bảo Vinh	75105	2,122	
88	Trạm Y Tế Xã Bảo Quang	75106	2,122	
89	Trạm Y Tế Xã Bình Lộc	75108	2,122	
90	Trạm Y Tế Xã Bàu Trâm	75205	2,122	
91	Trạm Y Tế Phường Xuân Trung	75206	2,122	
92	Trạm Y Tế Phường Phú Bình	75207	849	
93	Trạm Y Tế Phường Xuân Bình	75208	2,122	
94	Trạm Y Tế Phường Xuân An	75209	2,122	
95	Trạm Y Tế Phường Xuân Thanh	75210	2,122	
96	Bệnh Viện Công Ty Cao Su	75030	23,339	

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số thẻ phân bổ	Ghi chú
97	Tyt Nông Trường Bình Lộc	75171	849	
98	Tyt Nông Trường Dầu Giây	75173	849	
99	Tyt Nông Trường Thái Hiệp Thành	75178	849	
100	Tyt Nông Trường Hàng Gòn	75182	2,122	
	Định Quán		**184,413**	
101	Bệnh Viện Đa Khoa KV Định Quán	75011	73,764	
102	Phòng Khám Đa Khoa KV Phú Túc	75029	5,269	
103	Phòng Khám Đa Khoa KV Thanh Sơn	75199	5,269	
104	Trạm Y tế Xã Suối Nho	75032	10,538	
105	Trạm Y tế Xã Phú Ngọc	75033	15,806	
106	Trạm Y tế Xã Thanh Sơn	75034	5,269	
107	Trạm Y tế Xã Phú Hòa	75139	2,108	
108	Trạm Y tế Xã Túc Trưng	75140	10,538	
109	Trạm Y tế Xã Phú Vinh	75141	10,538	
110	Trạm Y tế Xã Gia Canh	75142	4,215	
111	Trạm Y tế Xã Phú Tân	75143	5,269	
112	Trạm Y tế Xã Phú Lợi	75144	10,538	
113	Trạm Y tế Xã Ngọc Định	75145	5,269	
114	Trạm Y tế Xã Phú Cường	75146	10,538	
115	Trạm Y tế Xã La Ngà	75147	5,269	
116	Trạm Y tế Thị trấn Định Quán	75241	2,108	
117	Trạm Y tế Xã Phú Túc	75242	2,108	
	Trảng Bom		**161,052**	
118	Trung tâm y tế Huyện Trảng Bom	75012	69,614	
119	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Y Đức Trị An	75259	22,767	
120	Chi nhánh Cty TNHH ITV Huỳnh Phụng - Phòng Khám Đa Khoa Hoàng Dũng	75265	21,016	
121	Cty TNHH Pk Quốc tế Long Bình -ĐĐKD Trảng Bom	75276	17,513	
122	Cty TNHH Pk Quốc tê Long Bình -Chi nhánh Bàu Xéo	75293	10,000	
123	Phòng Khám Đa Khoa KV Cây Gáo	75165	4,378	
124	Trạm Y tế Xã Bàu Hàm	75167	2,189	
125	Trạm Y tế Xã Thanh Bình	75168	2,189	
126	Trạm Y tế Xã Cây Gáo	75169	2,189	
127	Trạm Y tế Xã Hưng Thịnh	75188	876	
128	Trạm Y tế Xã Tây Hoà	75190	876	
129	Trạm Y tế Xã Đồi 61	75191	876	
130	Trạm Y tế xã Hố Nai 3	75192	876	
131	Trạm Y tế Xã Bắc Sơn	75193	876	

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số thẻ phân bổ	Ghi chú
132	Trạm Y tế Xã Sông Thao	75195	2,189	
133	Trạm Y tế Xã Sông Trầu	75196	876	
134	Trạm Y tế Xã Trung Hòa	75215	876	
135	Trạm Y tế Xã An Viễn	75216	876	
	Xuân Lộc		**146,883**	
136	Trung tâm y tế Huyện Xuân Lộc	75013	88,223.00	
137	Phòng Khám ĐK KV Xuân Hưng	75031	11,869	
138	Công ty TNHH PKĐK Sài Gòn Tâm Trí	75291	10,000	
139	Trạm Y tế Thị trấn Gia Ray	75148	3,956	
140	Trạm Y tế Xã Lang Minh	75150	1,582	
141	Trạm Y tế Xã Suối Cao	75151	3,956	
142	Trạm Y tế Xã Xuân Thọ	75153	1,187	
143	Trạm Y tế Xã Xuân Hòa	75154	3,956	
144	Trạm Y tế Xã Xuân Tâm	75155	3,956	
145	Trạm Y tế Xã Xuân Thành	75156	3,956	
146	Trạm Y tế Xã Xuân Trường	75157	3,956	
147	Trạm Y tế Xã Xuân Phú	75158	1,187	
148	Trạm Y tế Xã Bảo Hoà	75160	3,956	
149	Trạm Y tế Xã Xuân Bắc	75161	1,187	
150	Trạm Y Tế Xã Xuân Định	75164	3,956	
151	Trạm Y tế Xã Suối Cát	75211		TTYT Xuân Lộc gửi văn bản báo ngưng HĐ
152	Trạm Y Tế Xã Xuân Hiệp	75212		TTYT Xuân Lộc gửi văn bản báo ngưng HĐ
153	Trạm Y tế Xã Xuân Hưng	75246		TTYT Xuân Lộc gửi văn bản báo ngưng HĐ
	Tân Phú		**84,583**	
154	Trung tâm y tế Huyện Tân Phú	75014	38,704	
155	Phòng Khám Đa Khoa KV Phú Lập	75230	5,126	
156	Trạm Y tế Thị trấn Tân Phú	75109	2,563	
157	Trạm Y tế Xã Phú Điền	75110	2,563	
158	Trạm Y tế Xã Phú An	75111	1,282	
159	Trạm Y tế Xã Trà Cổ	75112	2,563	
160	Trạm Y tế Xã Phú Thanh	75113	2,563	
161	Trạm Y tế Xã Phú Xuân	75114	2,563	
162	Trạm Y tế Xã Phú Lâm	75115	2,563	
163	Trạm Y tế Xã Phú Bình	75116	2,563	
164	Trạm Y tế Xã Phú Sơn	75117	2,563	
165	Trạm Y tế Xã Núi Tượng	75118	2,563	
166	Trạm Y tế Xã Phú Lộc	75120	1,282	
167	Trạm Y tế Xã Phú Thịnh	75121	2,563	

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số thẻ phân bổ	Ghi chú
168	Trạm Y tế Xã Phú Lập	75122	1,282	
169	Trạm Y tế Xã Tà Lài	75123	2,563	
170	Trạm Y tế Xã Thanh Sơn	75124	1,025	
171	Trạm Y tế Xã Dak Lua	75125	2,563	
172	Trạm Y tế Xã Phú Trung	75126	2,563	
173	Trạm Y tế Xã Nam Cát Tiên	75240	2,563	
	Vĩnh Cửu		**84,155**	
174	Trung tâm y tế Huyện Vĩnh Cửu	75015	24,137	
175	TTYT Huyện Vĩnh Cửu cơ sở 2	75016	14,363	
176	Công ty TNHH PKĐK Tín Đức	75272	9,575	
177	Công ty TNHH PKĐK Lê Thiện Nhân	75289	10,000	
178	Phòng Khám Đa Khoa KV Phú Lý	75018	4,788	
179	Trạm Y tế Xã Bình Hòa	75036	598	
180	Trạm Y tế Xã Tân Bình	75037	598	
181	Trạm Y tế Xã Hiếu Liêm	75043	598	
182	Trạm Y tế Xã Mã Đà	75044	598	
183	Trạm Y tế Xã Vĩnh Tân	75047	598	
184	Trạm y tế xã Phú Lý	75239	1,995	
185	YTCQ Công Ty Changshin	75072	16,307	
	Nhơn Trạch		**140,601**	
186	Trung tâm y tế Huyện Nhơn Trạch	75020	39,030	
187	Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Phúc Trạch	75269	13,147	
188	Chi nhánh 3- Công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa ái Nghĩa Đồng Khởi - PKĐK Ái Nghĩa Nhơn Trạch	75270	29,580	
189	Công ty TNHH PKĐK Tâm Bình An	75284	6,573	
190	Công ty TNHH PKĐK 115 Đại Phước	75285	10,000	
191	Trạm Y tế Xã Đại Phước	75010	2,054	
192	Trạm Y tế Xã Vĩnh Thanh	75127	2,054	
193	Trạm Y tế Xã Phước Thiền	75128	2,054	
194	Trạm Y tế Xã Phú Hội	75129	2,054	
195	Trạm Y tế Xã Long Tân	75130	2,054	
196	Trạm Y tế Xã Phú Thạnh	75131	2,054	
197	Trạm Y tế Xã Phú Hữu	75132	2,054	
198	Trạm Y tế Xã Phú Đông	75133	2,054	
199	Trạm Y tế Xã Phước Khánh	75134	2,054	
200	Trạm Y tế Xã Phước An	75135	2,054	
201	Trạm Y tế Xã Long Thọ	75136	2,054	
202	Trạm Y tế Xã Hiệp Phước	75137	2,054	

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số thẻ phân bổ	Ghi chú
203	YTCQ Công ty HwaSeung	75225	17,623	
	Thống Nhất		**114,219**	
204	Trung tâm y tế huyện Thống Nhất	75026	66,699	
205	Cty TNHH MTV Hùynh Phụng - phòng khám đa khoa Trung Thanh	75280	19,707	
206	Cty TNHH Thủy Trung - phòng khám đa khoa Hoàng Dũng	75280	10,000	
207	Trạm Y tế Xã Xuân Thạnh	75102	1,895	
208	Trạm Y tế Xã Xuân Thiện	75107	1,895	
209	Trạm Y tế Xã Lộ 25	75166	1,895	
210	Trạm Y tế Xã Hưng Lộc	75198	1,895	
211	Trạm Y tế Xã Gia Tân 1	75200	1,895	
212	Trạm Y tế Xã Gia Tân 2	75201	1,895	
213	Trạm Y tế Xã Gia Tân 3	75202	1,895	
214	Trạm Y tế Xã Gia Kiệm	75203	758	
215	Trạm Y tế Xã Quang Trung	75204	1,895	
216	Trạm Y tế Xã Bàu Hàm 2	75197	1,895	
	Cẩm Mỹ		**75,628**	
217	Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	75096	44,618	
218	Phòng Khám Đa Khoa KV Sông Ray	75019	7,562	
219	Trạm Y tế Xã Xuân Mỹ	75092	1,891	
220	Trạm Y tế Xã Thừa Đức	75093	1,891	
221	Trạm Y tế Xã Xuân Đường	75094	1,891	
222	Trạm Y tế Xã Long Giao	75095	756	
223	Trạm Y tế Xã Xuân Quế	75097	1,891	
224	Trạm Y tế Xã Sông Nhạn	75098	1,891	
225	Trạm Y tế Xã Xuân Đông	75149	1,891	
226	Trạm Y tế Xã Xuân Bảo	75152	1,891	
227	Trạm Y tế Xã Xuân Tây	75159	1,891	
228	Trạm Y tế Xã Lâm San	75162	1,891	
229	Trạm Y tế Xã Bảo Bình	75163	1,891	
230	Trạm y tế xã Nhân Nghĩa	75243	1,891	
231	Trạm Y tế Xã Sông ray	75244	1,891	
	Cộng		**2,456,576**	